

Năm 1932-Nhâm Thân(1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
2	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm
3	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
4	27	Lập Xuân	28	Thứ Năm	28	Thứ Sáu	29	Lập Xuân	29	Thứ Tư	Năm (đ)	Thứ Bảy
5	28	Thứ Ba	29	Th. Minh	29	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
6	29	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	30	Chủ Nhật	Tư (t)	Thứ Tư	Tư (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
7	30	Thứ Năm	2	Tiểu Thử	Ba (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
8	Chạp (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
9	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	3	Hàn Lộ	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm
10	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
11	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
12	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
13	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
14	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
15	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
16	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm
17	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
18	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
19	12	Vũ	14	Thứ	13	Thứ	14	Vũ	14	Thứ	16	Chủ Nhật

		Thủy		Sáu		Bảy		Thủy		Năm		
20	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
21	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
22	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
23	16	Thứ Bảy	18	Đại Thử	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm
24	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
25	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
26	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
27	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
28	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
29	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
30	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm
31	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	28	-

Năm 1932-Nhâm Thân (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tám (t)	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm
2	29	Thứ Bảy	1	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
3	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
4	Sáng (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
5	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
6	3	Thứ	5	Thứ	6	Thứ	7	Thứ	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba

		Tư		Bảy		Ba		Năm				
7	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư
8	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm
9	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu
10	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy
11	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật
12	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
13	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
14	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư
15	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm
16	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
17	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy
18	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật
19	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai
20	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba
21	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư
22	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm
23	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
24	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
25	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
26	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
27	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	1	Thứ Ba
28	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Một (t)	Thứ Hai	2	Thứ Tư

		Năm		Nhật		Tư						
29	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	1	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm
30	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu
31	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	31	–	3	Thứ Hai	-	Thứ Năm	5	Thứ Bảy
1 tháng 9, nhật thực toàn phần (Canada, Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương)							15 tháng 9, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 2g23 ph To nhất : 4g02ph Độ lớn : 0,99 Kết thúc : 5g41ph					

Năm 1933- Quý Dậu (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm
2	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu
3	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy
4	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật
5	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai
6	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba
7	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư
8	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm
9	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
10	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
11	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật
12	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai

				Nhật		Nhật		Tư		Sáu		
13	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
14	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
15	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm
16	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
17	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
18	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
19	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
20	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
21	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
22	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm
23	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	1	Thứ Sáu
24	29	Thứ Ba	1	Thứ Sáu	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	1	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
25	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	30	Thứ Bảy	1	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
26	1	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	1	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
27	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
28	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư
29	4	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	-	Thứ Hai	7	Thứ Năm
30	5	Thứ Hai	-	Thứ Năm	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	-	Thứ Ba	8	Thứ Sáu
31	6	Thứ Ba	-	-	6	-	7	Thứ Hai	-	Thứ Tư	-	Thứ Bảy
24 tháng 2, nhật thực hình khuyên (Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi)												

Năm 1933- Quý Dậu (2)

Ngày	Tháng Bẩy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu
2	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy
3	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật
4	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai
5	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba
6	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư
7	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm
8	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
9	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
10	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
11	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
12	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
13	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư
14	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm
15	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
16	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
17	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	1	Chủ Nhật
18	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	1	Thứ Bảy	2	Thứ Hai
19	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	1	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba

20	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	1	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư
21	29	Thứ Sáu	1	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm
22	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu
23	1	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy
24	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
25	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
26	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
27	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư
28	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
29	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
30	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
31	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	-	15	Chủ Nhật
21 tháng 8, nhật thực hình khuyên (Bắc Châu PHI, Ả Rập, I-răng, Ấn Độ, Miến Điện, Ca-li-măng-tan, Châu Úc) Hà Nội : 0,68 Hải Phòng : 0,67 Vinh : 0,74 Huế : 0,74 Sài Gòn : 0,87												

NĂM 1934- GIÁP TUẤT (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	16	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu
2	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy
3	18	Thứ Tư	20	Thứ	18	Thứ	18	Thứ Ba	20	Thứ	22	Chủ

				Bảy		Bảy				Năm		Nhật
4	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	19	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai
5	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	20	Thứ Hai	20	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba
6	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	21	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư
7	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	22	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm
8	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	23	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
9	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	24	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy
10	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	25	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật
11	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	26	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai
12	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	27	Thứ Hai	27	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	1	Thứ Ba
13	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	28	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	1	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
14	29	Chủ Nhật	1	Thứ Tư	29	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm
15	1	Thứ Hai	2	Thứ Năm	1	Thứ Năm	1	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
16	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	2	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
17	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	3	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
18	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	4	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
19	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	5	Thứ Hai	5	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
20	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	6	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
21	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	7	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm
22	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	8	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
23	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	9	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
24	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	10	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
25	11	Thứ	12	Chủ	11	Chủ	11	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai

		Năm		Nhật		Nhật						
26	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	12	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
27	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	13	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
28	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	14	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm
29	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	15	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu
30	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	16	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
31	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	17	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
30-31 tháng 1 : nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 23g03ph To nhất : 23g42ph Độ lớn : 0,12 Kết thúc : 0g21ph							14 tháng 2, nhật thực toàn phần (Indônêxia, Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,58 (*) Hải Phòng : 0,58 (*) Vinh : 0,63 (*) Huế : 0,69 (*) Sài Gòn : 0,85 (*) (*) Độ lớn vào lúc Mặt Trời mọc.					

NĂM 1934- GIÁP TUẤT (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
2	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
3	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
4	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
5	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư
6	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	30	Thứ Năm
7	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	1	Thứ Tư	1	Thứ Sáu
8	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	1	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy
9	28	Thứ	29	Thứ	1	Chủ	2	Thứ Ba	3	Thứ	3	Chủ Nhật

		Hai		Nhật		Nhật				Sáu		
10	29	Thứ Ba	1	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
11	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
12	1	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư
13	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm
14	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
15	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
16	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
17	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
18	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba
19	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư
20	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm
21	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
22	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
23	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật
24	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
25	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
26	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư
27	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm
28	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
29	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
30	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
31	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	-	25	Thứ Hai

26 tháng 7, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 17g54ph To nhất : 19g19ph Độ lớn : 0,56 Kết thúc : 20g44ph	10 tháng 8, nhật thực hình khuyên (Đại Tây Dương, Châu Phi, Ấn Độ Dương)
---	---

NĂM 1935 – ÁT HỢI (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	1	Thứ Bảy
2	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
3	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	1	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
4	29	Thứ Sáu	1	Thứ Hai	29	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
5	1	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	1	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
6	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm
7	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
8	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
9	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
10	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
11	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
12	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
13	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm
14	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
15	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
16	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật

		Tư		Bảy		Bảy		Ba				
17	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
18	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
19	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
20	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm
21	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
22	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
23	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
24	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
25	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
26	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
27	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm
28	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
29	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
30	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật
31	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	31	Thứ Hai
5 tháng 1, nhật thực một phần 19-20 tháng 1, nguyệt thực toàn phần (*) Bát đầu : 21g03ph Toàn phần : 22g08ph-23g32ph Kết thúc : 0g37ph							4 tháng 2, nhật thực một phần.					

NĂM 1935 – ÁT HỢI (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	Sáng	Thứ	3	Thứ	4	Chủ	4	Thứ	6	Thứ	6	Chủ Nhật

	(t)	Hai		Năm		Nhật		Ba		Sáu		
2	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai
3	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba
4	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư
5	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm
6	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
7	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
8	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật
9	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai
10	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba
11	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư
12	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm
13	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu
14	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy
15	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật
16	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
17	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
18	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư
19	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm
20	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu
21	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy
22	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật
23	23	Thứ	25	Thứ	26	Thứ	26	Thứ	28	Thứ	28	Thứ Hai

		Ba		Sáu		Hai		Tư		Bảy		
24	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba
25	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	30	Thứ Tư
26	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	1	Thứ Ba	1	Thứ Năm
27	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	1	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
28	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	1	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
29	29	Thứ Hai	1	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
30	1	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
31	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
1 tháng 7, nhật thực một phần 16 tháng 7, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 10g08 ph Toàn phần : 11g09ph-12g51ph Kết thúc : 13g52ph							30 tháng 7, nhật thực một phần 26 tháng 12, nhật thực hình khuyên (Nam bằng châu, Ấn Độ Dương)					

Năm 1936-Bính Tý (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai
2	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
3	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư
4	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm
5	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu
6	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy
7	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật
8	14	Thứ	16	Thứ	15	Chủ	17	Thứ	18	Thứ	19	Thứ

		Tư		Bất		Nhật		Tư		Sáu		Hai
9	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba
10	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư
11	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm
12	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu
13	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy
14	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật
15	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai
16	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba
17	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư
18	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm
19	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	1	Thứ Sáu
20	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
21	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	28	Thứ Bảy	1	Thứ Ba	1	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
22	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	29	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
23	29	Thứ Năm	1	Chủ Nhật	1	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
24	1	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư
25	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm
26	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu
27	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy
28	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật
29	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai
30	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba

				Nhật		Hai				Bảy		Ba
31	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư
8-9 tháng 1, nguyệt thực toàn phần(*) Bắt đầu : 23g33ph Toàn phần : 0g59ph-1g27ph Kết thúc : 2g53ph							19 tháng 8, nhật thực toàn phần (Bán đảo Borneo, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Bình Dương) Đồng văn (Hà Giang) : 0,02					

Năm 1936-Bính Tý (2)

Ngày	THÁNG BẢY		THÁNG TÁM		THÁNG CHÍN		THÁNG MƯỜI		THÁNG MỘT		THÁNG CHẠP	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba
2	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư
3	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm
4	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
5	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
6	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
7	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
8	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
9	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư
10	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm
11	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
12	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
13	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật
14	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	1	Thứ Bảy	1	Thứ Hai
15	27	Thứ Tư	29	Thứ	30	Thứ Ba		Thứ Năm	2	Chủ	2	Thứ Ba

				Bảy						Nhật		
16	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	1	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư
17	29	Thứ Sáu	Bảy (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm
18	1	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
19	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
20	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
21	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
22	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
23	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư
24	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm
25	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu
26	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy
27	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật
28	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
29	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
30	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư
31	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	-	17	Thứ Bảy	18	-	18	Thứ Năm
4-5 tháng 7, nguyệt thực một phần(*)							14 tháng 12, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương)					

NĂM 1937- ĐINH SỬU (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
2	20	Thứ Bảy	21	Thứ	20	Thứ	21	Thứ	22	Chủ	24	Thứ Tư

				Ba		Ba		Sáu		Nhật		
3	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm
4	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
5	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
6	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
7	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
8	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba
9	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	1	Thứ Tư
10	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Tư (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm
11	29	Thứ Hai	1	Thứ Năm	29	Thứ Năm	1	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu
12	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy
13	1	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	1	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật
14	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai
15	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba
16	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư
17	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm
18	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu
19	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy
20	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật
21	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai
22	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba
23	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư
24	12	Chủ Nhật	14	Thứ	12	Thứ	14	Thứ	15	Thứ	16	Thứ Năm

				Tư		Tư		Bảy		Hai		
25	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
26	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
27	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật
28	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
29	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
30	18	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
31	19	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	-	Thứ Năm
tháng 6, nhật thực toàn phần(Thái Bình Dương, Tây Nam Châu Mỹ)												

NĂM 1937- ĐINH SỬU (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư
2	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	30	Thứ Năm
3	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	Mười	Thứ Tư	Một	Thứ Sáu
4	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	Chín (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy
5	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	Tám (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
6	28	Thứ Ba	Bảy (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
7	29	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
8	Sáu (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư
9	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm
10	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
11	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy

12	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
13	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
14	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba
15	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư
16	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm
17	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
18	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
19	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật
20	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
21	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
22	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư
23	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm
24	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
25	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
26	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
27	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai
28	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba
29	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư
30	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm
31	24	Thứ Bảy	26	-	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	29	-	29	Thứ Sáu
18 tháng 11, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 14g40ph To nhất : 15g22ph Kết thúc : 16g04ph							3 tháng 12, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương)					

NĂM 1938- MẬU DẦN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	30	Thứ Ba	1	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư

2	Chạp (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	1	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
3	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
4	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
5	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật
6	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai
7	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba
8	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư
9	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm
10	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu
11	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
12	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
13	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
14	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
15	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư
16	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm
17	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu
18	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy
19	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật
20	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai
21	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba
22	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư
23	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm

24	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
25	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy
26	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật
27	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai
28	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Sáu (t)	Thứ Ba
29	28	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	Năm (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
30	29	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	29	Thứ Tư	Tư (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm
31	Giêng (đ)	Thứ Hai	-	Thứ Năm	30	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	3	-	-	Thứ Sáu
14 tháng 5, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 14g04ph Toàn phần : 15g23ph-16g09ph Kết thúc : 17g28ph							29 tháng 5, nhật thực toàn phần (Đại Tây Dương)					

NĂM 1938-MẬU DẦN (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm
2	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
3	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
4	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật
5	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai
6	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba
7	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư
8	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm
9	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Hai	18	Thứ Sáu

								Nhật		Tử		
10	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy
11	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật
12	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
13	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
14	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư
15	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm
16	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu
17	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy
18	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật
19	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai
20	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba
21	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	30	Thứ Tư
22	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	1	Thứ Ba	1	Thứ Năm
23	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	1	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
24	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	1	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
25	28	Thứ Hai	1	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
26	29	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
27	Bảy (1)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
28	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư
29	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm
30	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu
31	5	Chủ Nhật	7	-	-	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	-	-	10	Thứ Bảy
8 tháng 11, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 3g39ph Toàn phần : 4g44ph-6g08ph Kết thúc : 7g13ph							22 tháng 11, Nhật thực một phần.					

NĂM 1939 KỶ MÃO (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm
2	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu
3	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy
4	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật
5	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai
6	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba
7	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư
8	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm
9	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu
10	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy
11	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật
12	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
13	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
14	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
15	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm
16	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
17	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư	Năm (đ)	Thứ Bảy
18	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm	2	Chủ Nhật

19	29	Thứ Năm	Giêng (đ)	Chủ Nhật	29	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Tư (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
20	Chạp (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	30	Thứ Hai	Ba (t)	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
21	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	Hai (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
22	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm
23	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
24	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
25	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
26	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
27	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
28	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
29	10	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm
30	11	Thứ Hai	-	Thứ Năm	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
31	12	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	11	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	13	Thứ Tư	-	Thứ Bảy
20 tháng 4, nhật thực hình khuyên (A lát xca, Bắc Băng Dương)						3 tháng 5, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 20g30ph Toàn Phần : 21g42ph-22g46ph Kết thúc : 23g48ph						

NĂM 1939- KỶ MÃO (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
2	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
3	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật

4	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
5	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
6	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư
7	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm
8	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
9	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
10	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật
11	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Bảy	Một (t)	Thứ Hai
12	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
13	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	Tám (đ)	Thứ Tư	Chín (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư
14	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm
15	29	Thứ Bảy	Bảy (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
16	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
17	Sáu (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
18	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
19	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
20	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư
21	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm
22	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu
23	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy
24	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật
25	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai

26	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
27	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư
28	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm
29	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
30	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy
31	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật
(150) 13 tháng 10, nhật thực toàn phần (Nam Băng Châu)							28 tháng 10, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 12g00ph Toàn phần: 13g22ph-13g46ph Kết thúc : 15g13ph					

NĂM 1940- CANH THÌN (1)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy
2	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật
3	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai
4	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba
5	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư
6	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Năm (t)	Thứ Năm
7	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	Tứ (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu
8	29	Thứ Hai	Giêng (đ)	Thứ Năm	30	Thứ Sáu	Ba (t)	Thứ Hai	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy
9	Chạp (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	Hai (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật
10	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai
11	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba

NĂM 1940-CANH THÌN (2)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Một		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ

1	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Chín (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
2	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	Tám (t)	Thứ Hai	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
3	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
4	29	Thứ Năm	Bảy (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư
5	Sáu (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	7	Thứ Năm
6	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
7	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
8	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
9	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
10	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba
11	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư
12	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm
13	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
14	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
15	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật
16	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
17	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
18	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư
19	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm
20	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
21	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
22	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
23	19	Thứ Ba	20	Thứ	22	Thứ	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai

				Sáu		Hai						
24	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba
25	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư
26	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm
27	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu
28	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy
29	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Một (đ)	Thứ Sáu	Chap (t)	Chủ Nhật
30	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai
31	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	Mười (t)	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	3	Thứ Ba
1 tháng 10, nhật thực toàn phần (Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Nam Châu Phi)												

NĂM 1945 - ẤT DẬU (1)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
2	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
3	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
4	21	Thứ Năm	22	Lập Xuân	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
5	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	21	Thứ Hai	23	Thanh Minh	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
6	23	Tiểu Hàn	24	Thứ Ba	22	Kinh Trập	24	Thứ Sáu	25	Lập Hạ	26	Mg. Chung
7	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm
8	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
9	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
10	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm		Chủ Nhật
11	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
12	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	28	Thứ Hai	Ba (đ)	Thứ Năm	Tư (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
13	30	Thứ Bảy	Giêng (t)	Thứ Ba	29	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
14	Chạp (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	Hai (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
15	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
16	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
17	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật
18	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai
19	6	Thứ Sáu	7	Vũ Thủy	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba
20	7	Đại Hàn	8	Thứ Ba	7	Thứ Ba	9	Cốc Vũ	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư
21	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	8	Xuân Phân	10	Thứ Bảy	10	Tiểu Mãn	12	Thứ Năm

NĂM 1950 CANH DẦN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm
2	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
3	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
4	16	Thứ Tư	18	Lập Xuân	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật
5	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	17	Chủ Nhật	19	Th., Minh	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
6	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	18	Kinh Trập	20	Thứ Năm	20	Lập Hạ	21	Mg. Chung
7	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
8	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm
9	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
10	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
11	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
12	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
13	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
14	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
15	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Năm (đ)	Thứ Năm
16	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	30	Thứ Ba	13	Thứ Sáu
17	29	Thứ Ba	Giêng	Thứ Sáu	29	Thứ Sáu	Ba (đ)	Thứ Hai	Tư (t)	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
18	Chạp (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	Hai (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
19	2	Thứ Năm	3	Vũ Thủy	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
20	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	3	Thứ Hai	4	Cốc Vũ	4	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
21	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	4	Xuân Phân	5	Thứ Sáu	5	Tiểu Mãn	7	Thứ Tư
22	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm
23	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu
24	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
25	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật

26	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai
27	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
28	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư
29	12	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm
30	13	Thứ Hai	-	Thứ Năm	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu
31	14	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	14	Thứ Sáu		Thứ Hai	15	Thứ Tư	-	-
18 tháng 3, nhật thực hình khuyên (Nam Băng Châu, Ấn Độ Dương)							3 tháng 4, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 2g02ph Toàn Phần: 3g25ph-4g03ph Kết thúc : 5g25ph					

Năm 1950- Canh Dần (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
2	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
3	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
4	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai
5	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba
6	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư
7	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm
8	24	Tiểu Thử	25	Lập Thu	26	Bạch Lộ	27	Chủ Nhật	29	Lập Đăng	29	Đại Tuyết
9	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Hàn Lộ	30	Thứ Năm	Một (đ)	Thứ Bảy
10	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Mười (t)	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật
11	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Chín (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Hai
12	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Tám (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Ba
13	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư
14	30	Thứ Sáu	Bảy (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm
15	Sáu (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu
16	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy
17	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật
18	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai

19	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba
20	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư
					8							
21	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm
22	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Đông Chí
23	9	Đại Thử	10	Thứ Tư	12	Thu Phân	13	Thứ Hai	14	Tiểu Tuyết	15	Thứ Bảy
24	10	Thứ Hai	11	Xử Thử	13	Chủ Nhật	14	Sg . Giáng	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật
25	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai
26	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba
27	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư
28	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm
29	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
30	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
31	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
12 tháng 9, nhật thực toàn phần (Bắc Băng Dương, Liên Xô, Thái Bình Dương)							26 tháng 9. nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 9g33ph Toàn phần : 10g53ph-11g37ph Kết thúc : 12g57ph					

NĂM 1951 TÂN MÃO (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
2	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy
3	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật
4	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai
5	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	Năm (t)	Thứ Ba
6	29	Thứ Bảy	Giêng (đ)	Thứ Ba	29	Thứ Ba	Ba (đ)	Thứ Sáu	Tư (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
7	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm
8	Chạp (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	Hai (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
9	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
10	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ	6	Chủ

										Năm		Nhật
11	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
12	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
13	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
14	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm
15	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
16	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
17	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
18	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
19	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
20	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
21	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	14	Xuân Phân	16	Cốc Vũ	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm
22	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Tiểu Mãn	18	Hạ Chí
23	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
24	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
25	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
26	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba
27	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư
28	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm
29	22	Thứ Hai	-	Thứ Năm	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu
30	23	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy
31	24	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm	-c	Chủ Nhật
8 tháng 3, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ)												

NĂM 1952- TÂN MÃO (2)

七 Tháng Bảy	八 Tháng Tám	九 Tháng Chín	十 Tháng Mười	十一 Tháng Một	十二 Tháng Chạp
----------------	----------------	-----------------	-----------------	-----------------	------------------

	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	Tám (đ)	Thứ Bảy	Chín (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
2	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
3	29	Thứ Ba	Bảy (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
4	Sáu (đ)	Thứ Tư		Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
5	2	Thứ Năm		Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư
6	3	Thứ Sáu		Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm
7	4	Thứ Bảy		Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu
8	5	Tiểu Thử		Lập Thu	8	Bạch Lộ	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy
9	6	Thứ Hai		Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Hàn Lộ	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật
10	7	Thứ Ba		Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai
11	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba
12	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư
13	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm
14	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
15	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
16	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
17	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
18	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
19	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư
20	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm
21	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
22	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	25	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
23	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	26	Tiểu Tuyết	25	Đông Chí
24	21	Đại Thử	22	Xử Thử	24	Thu Phân	24	Sg. Giáng	27	Thứ Bảy	26	Thứ Hai
25	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	27	Thứ Ba

26	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	28	Thứ Tư
27	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	29	Thứ Năm
28	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	Chạp (t)	Thứ Sáu
29	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Năm	2	Thứ Bảy
30	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	Mười (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
31	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	2	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
1 tháng 9, nhật thực hình khuyên (Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi, Ma đa gát xca)												

NĂM 1952- NHÂM THÌN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
2	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
3	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
4	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
5	9	Thứ Bảy	10	Lập Xuân	10	Kinh Trập	11	Th. Minh	12	Lập Hạ	13	Thứ Năm
6	10	Tiểu Hàn	11	Thứ Tư	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Mg. Chủng
7	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
8	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
9	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
10	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
11	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
12	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm
13	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
14	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
15	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
16	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai

17	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
18	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
19	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm
20	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
21	25	Đại Hàn	26	Thứ Năm	26	Xuân Phân	27	Thứ Hai	28	Tiểu Mãn	29	Hạ Chí
22	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Năm (đ)	Chủ Nhật
23	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
24	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Hai	Thứ (đ)	Thứ Năm	Năm (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
25	29	Thứ Sáu	Hai (đ)	Thứ Hai	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
26	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	Ba (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
27	Giêng (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
28	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
29	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật
30	4	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai
31	5	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	6	Thứ Hai	-	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	-	Thứ Ba
11 tháng 2, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 7g05ph To nhất : 7g40ph Kết thúc : 8g15ph							25 tháng 2, nhật thực toàn phần (Đại Tây Dương, Châu Phi, Ả Rập I rãng, Liên Xô)					

NĂM 1952 NHÂM THÌN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
2	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
3	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư
4	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm
5	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
6	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	19	Thứ	20	Thứ

										Năm		Bảy
7	16	Tiểu Thử	17	Lập Thu	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	20	Lập Đông	21	Đại Tuyết
8	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	20	Bạch Lộ	20	Hàn Lộ	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai
9	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba
10	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư
11	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm
12	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
13	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
14	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
15	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
16	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
17	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Tư
18	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	30	Thứ Bảy		Thứ Ba	2	Thứ Năm
19	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	Tám (đ)	Thứ Sáu	Chín (t)	Chủ Nhật		Thứ Tư	3	Thứ Sáu
20	29	Chủ Nhật	Bảy (đ)	Thứ Tư		Thứ Bảy		Thứ Hai		Thứ Năm	4	Thứ Bảy
21	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
22	Sáu (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	6	Tiểu Tuyết	6	Đông Chí
23	2	Đại Thử	4	Xử Thử	5	Thu Phân	5	Sg. Giáng	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
24	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư
25	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm
26	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
27	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy
28	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
29	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
30	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
31	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	15	Thứ Tư

6 tháng 9, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 1g31ph To nhất : 2g19ph Kết thúc : 4g07ph	20 tháng 8, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương)
--	--

22	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Hạ Chí
23	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
24	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
25	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
26	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
27	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư
28	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm
29	16	Thứ Hai	-	Thứ Năm	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu
30	17	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy
31	18	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	20	Thứ Năm	-	Chủ Nhật
14 tháng 1, nhật thực hình khuyên (Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương)							25 tháng 6, nguyệt thực một phần (*) Bắt Đầu : 20g39ph To nhất : 22g14ph Kết Thúc : 23g19ph					

NĂM 1945- ẤT DẬU (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
2	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
3	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
4	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
5	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Tư
6	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tám (đ)	Thứ Năm	Chín (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm
7	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu
8	29	Chủ Nhật	Bảy (t)	Lập Thu	3	Bạch Lộ	3	Hàn Lộ	4	Lập Đông	4	Thứ Bảy
9	Sáu (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
10	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai

11	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	6	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
12	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư
13	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	18	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm
14	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
15	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy
16	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
17	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	12	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
18	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	13	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
19	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư
20	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	25	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm
21	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
22	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	18	Tiểu Tuyết	18	Đông Chí
23	15	Đại Thử	16	Xử Thử	18	Thu Phân	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật
24	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Sương Giáng	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai
25	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba
26	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư
27	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm
28	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
29	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
30	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
31		Thứ Ba	24	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	26	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
9 tháng 7, nhật thực toàn phần (Mỹ , Canada, Gơ rin len, Bắc Châu Âu, Liên Xô)							19 tháng 12, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 7g55ph Toàn phần : 8g40ph-10g04ph Kết thúc : 11g09ph					

NĂM 1946- BÍNH TUẤT (1)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tư (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
2	29	Thứ Tư	Giêng (đ)	Thứ Bảy	29	Thứ Bảy	Ba (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
3	Chạp (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
4	2	Thứ Sáu	3	Lập Xuân	Hai (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
5	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	2	Thứ Ba	4	Th. Minh	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư
6	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	3	Kinh Chạp	5	Thứ Bảy	6	Lập Hạ	7	Mg. Chủng
7	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu
8	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy
9	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật
10	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai
11	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba
12	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư
13	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm
14	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu
15	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy
16	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật
17	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai
18	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba
19	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư
20	18	Đại Hàn	19	Thứ Tư	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm
21	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	18	Xuân Phân	20	Cốc Vũ	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu
22	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Tiểu Mãn	23	Hạ Chí
23	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật

24	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
25	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
26	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
27	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm
28	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
29	27	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Sáu (t)	Thứ Bảy
30	28	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
31	29	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	28	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	Năm (t)	Thứ Sáu	-	Thứ Hai
3 tháng 1, nhật thực một phần 31 tháng 5, nhật thực một phần							14,15 tháng 6, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 23g51ph Toàn phần : 0g57ph-2g23ph Kết Thúc : 3g28ph 29 tháng 6, nhật thực một phần					

NĂM 1946- BÌNH TUẤT (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
2	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
3	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
4	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư
5	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm
6	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
7	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
8	10	Tiểu Thu r	12	Lập Thu	13	Bạch Lộ	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Đại Tuyết
9	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
10	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba

11	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư
12	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm
13	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
14	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
15	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
16	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
17	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
18	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư
19	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm
20	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
21	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy
22	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Đông Chí
23	25	Đại Thử	27	Thứ Sáu	28	Thu Phân	29	Thứ Tư	30	Tiểu Tuyết	Chạp (đ)	Thứ Hai
24	26	Thứ Tư	28	Xử Thử	29	Thứ Ba	30	Sương Giáng	Một (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
25	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Chín (đ)	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư
26	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm
27	29	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
28	Bảy (đ)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
29	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
30	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
31	4	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	7	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
24 tháng 11, nhật thực một phần							8-9 tháng 12, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 23g05ph Toàn Phần : 0g18ph Kết thúc 2g33ph					

NĂM 1947- ĐINH HỢI (1)

Ngày	THÁNG GIÊNG		THÁNG HAI		THÁNG BA		THÁNG TƯ		THÁNG NĂM		THÁNG SÁU	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
2	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
3	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
4	13	Thứ Bảy	14	Lập Xuân	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
5	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm
6	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	14	Kinh Trập	15	Chủ Nhật	16	Lập Hạ	18	Mg. Chung
7	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
8	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
9	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
10	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba
11	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
12	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	Tứ (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm
13	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
14	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
15	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
16	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
17	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
18	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
19	28	Chủ Nhật	29	Vũ Thủy	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm
20	29	Thứ Hai	30	Thứ Năm	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
21	30	Đại Hân	Hai (đ)	Thứ Sáu	29	Xuân Phân	10	Cốc Vũ	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
22	Giêng (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	30	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
23	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	Hai	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai

					(T0							
24	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	2	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
25	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	3	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
26	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	4	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm
27	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	5	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu
28	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	6	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
29	8	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	7	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
30	9	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	8	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
31	10	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	9	Thứ Hai	-	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	-	Thứ Ba
20 tháng 5, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi)							4 tháng 6, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 1g54ph To nhất : 2g17ph Kết Thúc : 2g40ph					

NĂM 1947 ĐINH HỢI (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
2	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
3	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư
4	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm
5	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
6	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
7	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật
8	20	Tiểu Thử	22	Lập Thu	24	Bạch Lộ	24	Thứ Tư	26	Lập Đông	26	Đại Tuyết
9	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Hàn Lộ	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba
10	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư
11	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm
12	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Một (đ)	Thứ Sáu
13	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Mười	Thứ	2	Thứ Bảy

									(t)	Năm		
14	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	Chín (đ)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
15	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	Tám (t)	Thứ Hai	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
16	28	Thứ Tư	Bảy (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
17	29	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư
18	Sáu (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm
19	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
20	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
21	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
22	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
23	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Năm	11	Tiểu Tuyết	12	Đông Chí
24	7	Đại Thử	9	Xử Thử	10	Thu Phân	11	Sg. Giáng	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư
25	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm
26	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
27	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
28	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật
29	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
30	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
31	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	20	Thứ Tư
13 tháng 11, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ)												

NĂM 1948- MẬU TÝ (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba
2	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư
3	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm

4	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
5	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	25	Kinh Chạp	26	Thanh Minh	27	Lập Hạ	28	Thứ Bảy
6	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Mg. Chung
7	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Năm (đ)	Thứ Hai
8	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba
9	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	29	Thứ Ba	Ba (đ)	Thứ Sáu	Tứ (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư
10	30	Thứ Bảy	Giêng (đ)	Thứ Ba	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm
11	Chạp (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	Hai (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	2	Thứ Sáu
12	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	3	Thứ Bảy
13	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	4	Chủ Nhật
14	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	5	Thứ Hai
15	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	6	Thứ Ba
16	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	7	Thứ Tư
17	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	8	Thứ Năm
18	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	9	Thứ Sáu
19	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
20	10	Thứ Ba	11	Vũ Thủy	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	11	Chủ Nhật
21	11	Đại Hân	12	Thứ Bảy	11	Xuân Phân	13	Thứ Tư	13	Tiểu Mãn	15	Thứ Hai
22	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba
23	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư
24	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm
25	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu

26	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
27	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
28	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai
29	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
30	20	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
31	21	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	21	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	-	Thứ Năm
23 tháng 4, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 20g20ph To nhất : 20g41ph Kết thúc : 21g02ph							9 tháng 3, nhật thực hình khuyên và toàn phần (Miến Điện, Thái Lan, Lào, Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên, Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,92 Hải Phòng : 0,96 Vinh : 0,98 Huế : 0,92 Sài Gòn : 0,82					

NĂM 1948- MẬU TÝ (2)

Ngày	THÁNG BẢY		THÁNG TÁM		THÁNG CHÍN		THÁNG MƯỜI		THÁNG MỘT		THÁNG CHẠP	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Tư
2	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm
3	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	Tám (đ)	Thứ Sáu	Chín (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu
4	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Thứ Bảy
5	29	Thứ Hai	Bảy (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
6	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai
7		Tiểu Thử	3	Lập Thu	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	7	Lập Đông	7	Đại Tuyết
8		Thứ Năm	4	Chủ Nhật	6	Bạch Lộ	6	Hàn Lộ	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư
9		Thứ Sáu	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm
10		Thứ Bảy	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
11	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy

12	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
13	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
14	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
15	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư
16	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm
17	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
18	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy
19	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật
20	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai
21	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba
22	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	22	Tiểu Tuyết	22	Đông Chí
23	17	Đại Thử	19	Xử Thử	21	Thu Phân	21	Sg. Giáng	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm
24	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
25	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
26	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
27	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
28	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
29	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư
30	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Chạp (đ)	Thứ Năm
31	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
1 tháng 11, nhật thực toàn phần (Châu Phi , Ấn Độ Dương)												

NĂM 1949- KỶ SỬU (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
2	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm

3	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
4	6	Thứ Ba	7	Lập Xuân	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
5	7	Tiểu Hàn	8	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	8	Th. Minh	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
6	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	7	Kinh Trập	9	Thứ Tư	9	Lập Hạ	10	Mg. Chung
7	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
8	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
9	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm
10	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
11	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
12	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
13	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
14	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
15	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
16	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm
17	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
18	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
19	21	Thứ Tư	22	Vũ Thủy	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
20	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	21	Chủ Nhật	23	Cốc Vũ	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
21	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	22	Xuân Phân	24	Thứ Năm	24	Tiểu Mãn	25	Thứ Ba
22	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
23	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm
24	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
25	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
26	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Sáu (đ)	Chủ Nhật
27	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
28	30	Thứ Sáu	Hai (t)	Thứ Hai	29	Thứ Hai	Tư (đ)	Thứ Năm	Năm (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
29	Giêng (đ)	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	Ba (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
30	2	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
31	3	Thứ Hai	-	Thứ Năm	3	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	-	Thứ Sáu
13 tháng 4, nhật thực toàn phần Bắt đầu : 9g23ph Toàn Phần : 10g27ph-11g57ph Kết Thúc : 13g01ph							28 tháng 4, nhật thực một phần.					

NĂM 1949- KỶ SỬU (2)

Ngày	THÁNG BẢY		THÁNG TÁM		THÁNG CHÍNH		THÁNG MƯỜI		THÁNG MỘT		THÁNG CHẠP	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
2	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
3	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
4	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
5	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
6	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Đại Tuyệt
7	12	Tiểu Thử	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư
8	13	Thứ Sáu	14	Lập Thu	16	Thứ Năm	17	Hàn Lộ	18	Lập Đông	19	Thứ Năm
9	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
10	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
11	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
12	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
13	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
14	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư
15	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm
16	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
17	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy
18	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật
19	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	30	Thứ Hai
20	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Mười (đ)	Chủ Nhật	Một (t)	Thứ Ba
21	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư
22	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	Tám (đ)	Thứ Năm	Chín (t)	Thứ Bảy	3	Tiểu Tuyệt	3	Đông Chí
23	28	Đại Thử	29	Xử Thử	2	Thu Phân	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu

24	29	Chủ Nhật	Bảy (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Sg. Giảng	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy
25	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật
26	Bảy (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai
27	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba
28	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư
29	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm
30	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
31	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	-	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
7 tháng 10, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 8g08 Toàn phần : 9g19ph-10g29ph Kết thúc : 11g40ph							22 tháng 10, nhật thực một phần					

NĂM 1941 -- TÂN TỶ												
NGÀY	THÁNG GIÊNG		THÁNG HAI		THÁNG BA		THÁNG TƯ		THÁNG NĂM		THÁNG SÁU	
	Âm lịch	Tết - Thứ	Âm lịch	Tết - Thứ	Âm lịch	Tết - Thứ	Âm lịch	Tết - Thứ	Âm lịch	Tết - Thứ	Âm lịch	Tết - Thứ
1	4	Thứ tư	6	Thứ bảy	4	Thứ bảy	5	Thứ ba	6	Thứ năm	7	Chủ nhật
2	5	Thứ năm	7	Chủ nhật	5	Chủ nhật	6	Thứ tư	7	Thứ sáu	8	Thứ hai
3	6	Thứ sáu	8	Thứ hai	6	Thứ hai	7	Thứ năm	8	Thứ bảy	9	Thứ ba
4	7	Thứ bảy	9	Lập Xuân	7	Thứ ba	8	Thứ sáu	9	Chủ nhật	10	Thứ tư
5	8	Chủ nhật	10	Thứ tư	8	Thứ tư	9	T. Minh	10	Thứ hai	11	Thứ sáu
6	9	Tiểu Hạn	11	Thứ năm	9	Kính Trập	10	Chủ nhật	11	Lập Hạ	12	M. Chạp
7	10	Thứ ba	12	Thứ sáu	10	Thứ sáu	11	Thứ hai	12	Thứ tư	13	Thứ bảy
8	11	Thứ tư	13	Thứ bảy	11	Thứ bảy	12	Thứ ba	13	Thứ năm	14	Chủ nhật
9	12	Thứ năm	14	Chủ nhật	12	Chủ nhật	13	Thứ tư	14	Thứ sáu	15	Thứ hai
10	13	Thứ sáu	15	Thứ hai	13	Thứ hai	14	Thứ năm	15	Thứ bảy	16	Thứ ba
11	14	Thứ bảy	16	Thứ ba	14	Thứ ba	15	Thứ sáu	16	Chủ nhật	17	Thứ tư
12	15	Chủ nhật	17	Thứ tư	15	Thứ tư	16	Thứ bảy	17	Thứ hai	18	Thứ sáu
13	16	Thứ hai	18	Thứ năm	16	Thứ năm	17	Chủ nhật	18	Thứ ba	19	Thứ sáu
14	17	Thứ ba	19	Thứ sáu	17	Thứ sáu	18	Thứ hai	19	Thứ tư	20	Thứ bảy
15	18	Thứ tư	20	Thứ bảy	18	Thứ bảy	19	Thứ ba	20	Thứ năm	21	Chủ nhật
16	19	Thứ năm	21	Chủ nhật	19	Chủ nhật	20	Thứ tư	21	Thứ sáu	22	Thứ hai
17	20	Thứ sáu	22	Thứ hai	20	Thứ hai	21	Thứ năm	22	Thứ bảy	23	Thứ ba
18	21	Thứ bảy	23	Thứ ba	21	Thứ ba	22	Thứ sáu	23	Chủ nhật	24	Thứ tư
19	22	Chủ nhật	24	V. Thủy	22	Thứ tư	23	Thứ bảy	24	Thứ hai	25	Thứ năm
20	23	Đại Hạn	25	Thứ năm	23	Thứ năm	24	C. V. 6	25	Thứ ba	26	Thứ sáu
21	24	Thứ ba	26	Thứ sáu	24	X. Phán	25	Thứ hai	26	T. Mão	27	Thứ bảy
22	25	Thứ tư	27	Thứ bảy	25	Thứ bảy	26	Thứ ba	27	Thứ năm	28	M. Ch. 1
23	26	Thứ năm	28	Chủ nhật	26	Chủ nhật	27	Thứ tư	28	Thứ sáu	29	Thứ hai
24	27	Thứ sáu	29	Thứ hai	27	Thứ hai	28	Thứ năm	29	Thứ bảy	30	Thứ ba
25	28	Thứ bảy	30	Thứ ba	28	Thứ ba	29	Thứ sáu	30	Chủ nhật	S. 1	Thứ tư
26	29	Chủ nhật	H. 1	Thứ tư	29	Thứ tư	30	Thứ bảy	N. 1	Thứ hai	2	Thứ năm
27	Giêng	Thứ hai	2	Thứ năm	30	Thứ năm	1	Chủ nhật	2	Thứ ba	3	Thứ sáu
28	3	Thứ ba	3	Thứ sáu	B. 1	Thứ sáu	3	Thứ hai	3	Thứ tư	4	Thứ bảy
29	4	Thứ tư	—	—	2	Thứ bảy	4	Thứ ba	4	Thứ năm	5	Chủ nhật
30	5	Thứ năm	—	—	3	Chủ nhật	5	Thứ tư	5	Thứ sáu	6	Thứ hai
31	6	Thứ sáu	—	—	4	Thứ hai	—	—	6	Thứ bảy	—	—

(154) 13 tháng 3, nguyệt thực một phần (*)
Bắt đầu : 17g55ph
To nhất : 19 00ph Độ lớn : 0,34
Kết thúc : 20g05ph

(155) 20 tháng 3, nhật thực hình khuyên (Thật
bình thường, Nam châu Mỹ)

NĂM 1941-TÂN TỶ (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tết-Thứ	Âm Lịch	Tết-Thứ	Âm Lịch	Tết-Thứ	Âm Lịch	Tết-Thứ	Âm Lịch	Tết-Thứ	Âm Lịch	Tết-Thứ
1	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
2	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba

3	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư
4	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm
5	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
6	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy
7	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật
8	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai
9	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba
10	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư
11	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm
12	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
13	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
14	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
15	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
16	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
17	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư
18	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Một (đ)	Thứ Năm
19	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	Mười (t)	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
20	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Chín (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
21	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	Tám (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
22	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
23	29	Thứ Tư	Bảy (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
24	Sáu (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư
25	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm
26	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu
27	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy
28	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật
29	6	Thứ Ba	7	Thứ	9	Thứ Hai	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai

				Sáu								
30	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba
31	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	14	Thứ Tư
6 tháng 9, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 0g21ph To nhất : 0g49ph Độ lớn : 0,06 Kết thúc : 1g17ph							21 tháng 9, nhật thực toàn phần (Liên Xô, Trung Quốc , Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,65 Hải Phòng : 0,67 Vinh : 0,58 Huế : 0,55 Sài Gòn : 0,38					

NĂM 1942- NHÂM NGỌ (1)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai
2	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba
3	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư
4	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm
5	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu
6	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy
7	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật
8	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
9	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
10	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
11	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm
12	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
13	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Tư	30	Thứ Bảy

NĂM 1942- NHÂM NGỌ (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ

1	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
2	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư
3	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm
4	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
5	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy
6	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật
7	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	30	Thứ Hai
8	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Mười (đ)	Chủ Nhật	Một (t)	Thứ Ba
9	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư
10	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tám (đ)	Thứ Năm	Chín (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Thứ Năm
11	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu
12	29	Chủ Nhật	Bảy (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy
13	Sáu (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật
14	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai
15	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba
16	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư
17	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm
18	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
19	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
20	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật
21	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai
22	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba
23	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư
24	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm
25	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu
26	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy

27	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật
28	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
29	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
30	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư
31	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	-	Thứ Năm		Thứ Bảy	-	Thứ Ba	24	Thứ Năm
12 tháng 8, nhật thực một phần 26 tháng 8, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 8g00ph Tàn Phần : 10g02ph-11g38ph Kết thúc : 12g04ph							10 tháng 9, nhật thực một phần					

NĂM 1943- QUÝ MÙI (1)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba
2	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư
3	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Năm (t)	Thứ Năm
4	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	Tứ (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu
5	29	Thứ Ba	Giêng (t)	Thứ Sáu	29	Thứ Sáu	Ba (t)	Thứ Hai	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy
6	Chạp (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	Hai (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật
7	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai
8	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba
9	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư
10	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm
11	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu

12	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
13	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật
14	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai
15	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
16	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư
17	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm
18	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu
19	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy
20	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật
21	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai
22	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba
23	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư
24	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm
25	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu
26	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy
27	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật
28	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai
29	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba
30	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư
31	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm
5 tháng 2, nhật thực toàn phần (Trung Quốc, Liên Xô, Nhật Bản , Thái Bình Dương, CaNaDa)							20 tháng 2, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 11g08ph To nhất : 12g39ph Kết thúc : 14g10ph					

NĂM 1943-QUÝ MÙI (2)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	29	Thứ Năm	Bảy (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư
2	Sáu (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm
3	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu
4	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy
5	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật
6	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai
7	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba
8	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư
9	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm
10	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Thứ Sáu
11	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	15	Thứ Bảy
12	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật
13	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai
14	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba
15	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư
16	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm
17	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
18	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
19	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
20	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
21	20	Thứ Tư	21	Thứ	22	Thứ Ba	23	Thứ	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba

				Bảy				Năm				
22	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	26	Thứ Tư
23	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Thứ Năm
24	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
25	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
26	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật
27	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Một (đ)	Thứ Bảy	Chạp (đ)	Thứ Hai
28	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
29	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Chín (đ)	Thứ Tư	Mười (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư
30	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm
31	30	Thứ Bảy	Tám (t)	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
1 tháng 8, nhật thực hình khuyên (Ấn Độ Dương)							16 tháng 8, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 0g53ph To nhất : 2g28ph Kết thúc : 4g03ph					

NĂM 1944-GIÁP THÂN (1)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm
2	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu
3	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy
4	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật
5	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai
6	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba
7	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư
8	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm
9	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu

						Năm		Nhật				
10	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
11	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
12	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai
13	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
14	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
15	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm
16	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
17	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
18	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
19	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
20	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba
21	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	Năm (t)	Thứ Tư
22	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	Tứ	Thứ Hai	2	Thứ Năm
23	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	29	Thứ Năm	Tứ (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu
24	29	Thứ Hai	Hai (t)	Thứ Năm	Ba (t)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy
25	Giêng (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật
26	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai
27	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba
28	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư
29	5	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm
30	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu
31	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	10	Thứ Tư	-	Thứ Bảy
26 tháng 1, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi)												

NĂM 1944-GIÁP THÂN (2)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
2	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
3	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
4	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
5	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
6	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư
7	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm
8	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
9	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
10	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật
11	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai
12	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba
13	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư
14	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm
15	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Một (đ)	Thứ Sáu
16	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	30	Thứ Hai		Thứ Năm		Thứ Bảy
17	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	Tám (đ)	Chủ Nhật		Thứ Ba		Thứ Sáu		Chủ Nhật
18	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	20	Thứ Tư		Thứ Bảy		Thứ Hai
19	29	Thứ Tư	Bảy (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	21	Thứ Năm		Chủ Nhật		Thứ Ba
20	Sáu (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	22	Thứ Sáu		Thứ Hai		Thứ Tư

[illegible]

NĂM 1945 - ẤT DẬU (1)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
2	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
3	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
4	21	Thứ Năm	22	Lập Xuân	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
5	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	21	Thứ Hai	23	Thanh Minh	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
6	23	Tiểu Hàn	24	Thứ Ba	22	Kinh Trập	24	Thứ Sáu	25	Lập Hạ	26	Mg. Chung
7	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm
8	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
9	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
10	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm		Chủ Nhật
11	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
12	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	28	Thứ Hai	Ba (đ)	Thứ Năm	Tư (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
13	30	Thứ Bảy	Giêng (t)	Thứ Ba	29	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
14	Chạp (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	Hai (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
15	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
16	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
17	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật
18	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai
19	6	Thứ Sáu	7	Vũ Thủy	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba
20	7	Đại Hàn	8	Thứ Ba	7	Thứ Ba	9	Cốc Vũ	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư
21	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	8	Xuân Phân	10	Thứ Bảy	10	Tiểu Mãn	12	Thứ Năm

22	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	13	Hạ Chí
23	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
24	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
25	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
26	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
27	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư
28	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm
29	16	Thứ Hai	-	Thứ Năm	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu
30	17	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy
31	18	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	18	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	20	Thứ Năm	-	Chủ Nhật
14 tháng 1, nhật thực hình khuyên (Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương)							25 tháng 6, nguyệt thực một phần (*) Bắt Đầu : 20g39ph To nhất : 22g14ph Kết Thúc : 23g19ph					

NĂM 1945- ẤT DẬU (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
2	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
3	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
4	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
5	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Tư
6	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tám (đ)	Thứ Năm	Chín (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm
7	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu
8	29	Chủ Nhật	Bảy (t)	Lập Thu	3	Bạch Lộ	3	Hàn Lộ	4	Lập Đông	4	Thứ Bảy
9	Sáu (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
10	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai

11	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	6	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
12	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư
13	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	18	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm
14	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
15	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy
16	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	11	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
17	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	12	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
18	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	13	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
19	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư
20	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	25	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm
21	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
22	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai	18	Tiểu Tuyết	18	Đông Chí
23	15	Đại Thử	16	Xử Thử	18	Thu Phân	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật
24	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Sương Giáng	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai
25	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba
26	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư
27	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm
28	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
29	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
30	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
31		Thứ Ba	24	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	26	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
9 tháng 7, nhật thực toàn phần (Mỹ , Canada, Gơ rin len, Bắc Châu Âu, Liên Xô)							19 tháng 12, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 7g55ph Toàn phần : 8g40ph-10g04ph Kết thúc : 11g09ph					

NĂM 1946- BÍNH TUẤT (1)

Ngày	Tháng Một		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tư (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
2	29	Thứ Tư	Giêng (đ)	Thứ Bảy	29	Thứ Bảy	Ba (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
3	Chạp (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
4	2	Thứ Sáu	3	Lập Xuân	Hai (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
5	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	2	Thứ Ba	4	Th. Minh	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư
6	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	3	Kinh Chạp	5	Thứ Bảy	6	Lập Hạ	7	Mg. Chủng
7	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu
8	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy
9	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật
10	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai
11	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba
12	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư
13	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm
14	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu
15	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy
16	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật
17	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai
18	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba
19	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư
20	18	Đại Hàn	19	Thứ Tư	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm
21	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	18	Xuân Phân	20	Cốc Vũ	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu
22	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Tiểu Mãn	23	Hạ Chí
23	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật

24	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
25	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
26	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
27	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm
28	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
29	27	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Sáu (t)	Thứ Bảy
30	28	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
31	29	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	28	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	Năm (t)	Thứ Sáu	-	Thứ Hai
3 tháng 1, nhật thực một phần 31 tháng 5, nhật thực một phần							14,15 tháng 6, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 23g51ph Toàn phần : 0g57ph-2g23ph Kết Thúc : 3g28ph 29 tháng 6, nhật thực một phần					

NĂM 1946- BÌNH TUẤT (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
2	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
3	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
4	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư
5	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm
6	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
7	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
8	10	Tiểu Thu r	12	Lập Thu	13	Bạch Lộ	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Đại Tuyết
9	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
10	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba

11	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư
12	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm
13	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
14	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
15	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
16	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
17	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
18	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư
19	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm
20	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
21	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy
22	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	29	Đông Chí
23	25	Đại Thử	27	Thứ Sáu	28	Thu Phân	29	Thứ Tư	30	Tiểu Tuyết	Chạp (đ)	Thứ Hai
24	26	Thứ Tư	28	Xử Thử	29	Thứ Ba	30	Sương Giáng	Một (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
25	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Chín (đ)	Thứ Tư	Mười (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư
26	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm
27	29	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
28	Bảy (đ)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
29	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
30	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
31	4	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	7	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	9	Thứ Ba
24 tháng 11, nhật thực một phần							8-9 tháng 12, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 23g05ph Toàn Phần : 0g18ph Kết thúc 2g33ph					

NĂM 1947- ĐINH HỢI (1)

Ngày	THÁNG GIÊNG		THÁNG HAI		THÁNG BA		THÁNG TƯ		THÁNG NĂM		THÁNG SÁU	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch h	Tiết- Thứ
1	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
2	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
3	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
4	13	Thứ Bảy	14	Lập Xuân	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
5	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm
6	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	14	Kinh Trập	15	Chủ Nhật	16	Lập Hạ	18	Mg. Chung
7	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
8	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
9	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
10	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba
11	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
12	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	Tứ (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm
13	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
14	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
15	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
16	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
17	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
18	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
19	28	Chủ Nhật	29	Vũ Thủy	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm
20	29	Thứ Hai	30	Thứ Năm	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
21	30	Đại Hân	Hai (đ)	Thứ Sáu	29	Xuân Phân	10	Cốc Vũ	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
22	Giêng (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	30	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
23	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	Hai	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai

					(T0							
24	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	2	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
25	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	3	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
26	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	4	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm
27	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	5	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu
28	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	6	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
29	8	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	7	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
30	9	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	8	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
31	10	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	9	Thứ Hai	-	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	-	Thứ Ba
20 tháng 5, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi)							4 tháng 6, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 1g54ph To nhất : 2g17ph Kết Thúc : 2g40ph					

NĂM 1947 ĐINH HỢI (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
2	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
3	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư
4	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm
5	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
6	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
7	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật
8	20	Tiểu Thử	22	Lập Thu	24	Bạch Lộ	24	Thứ Tư	26	Lập Đông	26	Đại Tuyết
9	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Hàn Lộ	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba
10	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư
11	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm
12	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Một (đ)	Thứ Sáu
13	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Mười	Thứ	2	Thứ Bảy

									(t)	Năm		
14	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	Chín (đ)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
15	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	Tám (t)	Thứ Hai	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
16	28	Thứ Tư	Bảy (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba
17	29	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư
18	Sáu (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm
19	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu
20	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy
21	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
22	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
23	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Năm	11	Tiểu Tuyết	12	Đông Chí
24	7	Đại Thử	9	Xử Thử	10	Thu Phân	11	Sg. Giáng	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư
25	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm
26	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
27	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
28	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật
29	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
30	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
31	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	20	Thứ Tư
13 tháng 11, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ)												

NĂM 1948- MẬU TÝ (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba
2	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư
3	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm

4	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
5	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	25	Kinh Chạp	26	Thanh Minh	27	Lập Hạ	28	Thứ Bảy
6	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Mg. Chung
7	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Năm (đ)	Thứ Hai
8	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba
9	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	29	Thứ Ba	Ba (đ)	Thứ Sáu	Tứ (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư
10	30	Thứ Bảy	Giêng (đ)	Thứ Ba	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm
11	Chạp (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	Hai (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	2	Thứ Sáu
12	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	3	Thứ Bảy
13	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	4	Chủ Nhật
14	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	5	Thứ Hai
15	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	6	Thứ Ba
16	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	7	Thứ Tư
17	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	8	Thứ Năm
18	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	9	Thứ Sáu
19	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
20	10	Thứ Ba	11	Vũ Thủy	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	11	Chủ Nhật
21	11	Đại Hân	12	Thứ Bảy	11	Xuân Phân	13	Thứ Tư	13	Tiểu Mãn	15	Thứ Hai
22	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba
23	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư
24	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm
25	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu

26	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
27	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
28	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai
29	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
30	20	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
31	21	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	21	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	-	Thứ Năm
23 tháng 4, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 20g20ph To nhất : 20g41ph Kết thúc : 21g02ph							9 tháng 3, nhật thực hình khuyên và toàn phần (Miến Điện, Thái Lan, Lào, Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên, Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,92 Hải Phòng : 0,96 Vinh : 0,98 Huế : 0,92 Sài Gòn : 0,82					

NĂM 1948- MẬU TÝ (2)

Ngày	THÁNG BẢY		THÁNG TÁM		THÁNG CHÍN		THÁNG MƯỜI		THÁNG MỘT		THÁNG CHẠP	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Tư
2	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm
3	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	Tám (đ)	Thứ Sáu	Chín (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu
4	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Thứ Bảy
5	29	Thứ Hai	Bảy (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
6	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai
7		Tiểu Thử	3	Lập Thu	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	7	Lập Đông	7	Đại Tuyết
8		Thứ Năm	4	Chủ Nhật	6	Bạch Lộ	6	Hàn Lộ	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư
9		Thứ Sáu	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm
10		Thứ Bảy	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
11	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy

12	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
13	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
14	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
15	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư
16	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm
17	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
18	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Thứ Bảy
19	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật
20	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai
21	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba
22	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	22	Tiểu Tuyết	22	Đông Chí
23	17	Đại Thử	19	Xử Thử	21	Thu Phân	21	Sg. Giáng	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm
24	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu
25	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy
26	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật
27	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai
28	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba
29	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư
30	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Chạp (đ)	Thứ Năm
31	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
1 tháng 11, nhật thực toàn phần (Châu Phi , Ấn Độ Dương)												

NĂM 1949- KỶ SỬU (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
2	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm

3	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
4	6	Thứ Ba	7	Lập Xuân	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
5	7	Tiểu Hàn	8	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	8	Th. Minh	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
6	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	7	Kinh Trập	9	Thứ Tư	9	Lập Hạ	10	Mg. Chủng
7	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
8	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
9	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm
10	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
11	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
12	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
13	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
14	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
15	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
16	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm
17	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
18	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
19	21	Thứ Tư	22	Vũ Thủy	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
20	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	21	Chủ Nhật	23	Cốc Vũ	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
21	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	22	Xuân Phân	24	Thứ Năm	24	Tiểu Mãn	25	Thứ Ba
22	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
23	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm
24	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
25	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy
26	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Sáu (đ)	Chủ Nhật
27	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
28	30	Thứ Sáu	Hai (t)	Thứ Hai	29	Thứ Hai	Tư (đ)	Thứ Năm	Năm (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
29	Giêng (đ)	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	Ba (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
30	2	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
31	3	Thứ Hai	-	Thứ Năm	3	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	-	Thứ Sáu
13 tháng 4, nhật thực toàn phần Bắt đầu : 9g23ph Toàn Phần : 10g27ph-11g57ph Kết Thúc : 13g01ph							28 tháng 4, nhật thực một phần.					

NĂM 1949- KỶ SỬU (2)

Ngày	THÁNG BẢY		THÁNG TÁM		THÁNG CHÍNH		THÁNG MƯỜI		THÁNG MỘT		THÁNG CHẠP	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
2	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
3	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
4	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
5	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
6	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Đại Tuyệt
7	12	Tiểu Thử	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư
8	13	Thứ Sáu	14	Lập Thu	16	Thứ Năm	17	Hàn Lộ	18	Lập Đông	19	Thứ Năm
9	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
10	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
11	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
12	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
13	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
14	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư
15	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm
16	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
17	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy
18	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật
19	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	30	Thứ Hai
20	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Mười (đ)	Chủ Nhật	Một (t)	Thứ Ba
21	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư
22	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	Tám (đ)	Thứ Năm	Chín (t)	Thứ Bảy	3	Tiểu Tuyệt	3	Đông Chí
23	28	Đại Thử	29	Xử Thử	2	Thu Phân	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu

24	29	Chủ Nhật	Bảy (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Sg. Giảng	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy
25	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật
26	Bảy (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai
27	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba
28	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư
29	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm
30	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu
31	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	10	Thứ Hai	-	Thứ Năm	12	Thứ Bảy
7 tháng 10, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 8g08 Toàn phần : 9g19ph-10g29ph Kết thúc : 11g40ph							22 tháng 10, nhật thực một phần					

NĂM 1950 CANH DẦN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm
2	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
3	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
4	16	Thứ Tư	18	Lập Xuân	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật
5	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	17	Chủ Nhật	19	Th., Minh	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
6	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	18	Kinh Trập	20	Thứ Năm	20	Lập Hạ	21	Mg. Chung
7	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
8	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm
9	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
10	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
11	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
12	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
13	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
14	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
15	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Năm (đ)	Thứ Năm
16	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	30	Thứ Ba	13	Thứ Sáu
17	29	Thứ Ba	Giêng	Thứ Sáu	29	Thứ Sáu	Ba (đ)	Thứ Hai	Tư (t)	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
18	Chạp (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	Hai (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
19	2	Thứ Năm	3	Vũ Thủy	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
20	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	3	Thứ Hai	4	Cốc Vũ	4	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
21	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	4	Xuân Phân	5	Thứ Sáu	5	Tiểu Mãn	7	Thứ Tư
22	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm
23	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu
24	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
25	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật

26	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai
27	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
28	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư
29	12	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm
30	13	Thứ Hai	-	Thứ Năm	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu
31	14	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	14	Thứ Sáu		Thứ Hai	15	Thứ Tư	-	-
18 tháng 3, nhật thực hình khuyên (Nam Băng Châu, Ấn Độ Dương)							3 tháng 4, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 2g02ph Toàn Phần: 3g25ph-4g03ph Kết thúc : 5g25ph					

Năm 1950- Canh Dần (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
2	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
3	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
4	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai
5	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba
6	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư
7	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm
8	24	Tiểu Thử	25	Lập Thu	26	Bạch Lộ	27	Chủ Nhật	29	Lập Đăng	29	Đại Tuyết
9	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	28	Hàn Lộ	30	Thứ Năm	Một (đ)	Thứ Bảy
10	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Mười (t)	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật
11	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Chín (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Hai
12	28	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Tám (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	4	Thứ Ba
13	29	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư
14	30	Thứ Sáu	Bảy (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm
15	Sáu (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu
16	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy
17	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật
18	4	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai

19	5	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	11	Thứ Ba
20	6	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	12	Thứ Tư
					8							
21	7	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	13	Thứ Năm
22	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	14	Đông Chí
23	9	Đại Thử	10	Thứ Tư	12	Thu Phân	13	Thứ Hai	14	Tiểu Tuyết	15	Thứ Bảy
24	10	Thứ Hai	11	Xử Thử	13	Chủ Nhật	14	Sg . Giáng	15	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật
25	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	17	Thứ Hai
26	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	18	Thứ Ba
27	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư
28	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm
29	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
30	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
31	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
12 tháng 9, nhật thực toàn phần (Bắc Băng Dương, Liên Xô, Thái Bình Dương)							26 tháng 9. nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 9g33ph Toàn phần : 10g53ph-11g37ph Kết thúc : 12g57ph					

NĂM 1951 TÂN MÃO (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
2	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy
3	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật
4	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	30	Thứ Hai
5	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	Năm (t)	Thứ Ba
6	29	Thứ Bảy	Giêng (đ)	Thứ Ba	29	Thứ Ba	Ba (đ)	Thứ Sáu	Tư (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
7	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm
8	Chạp (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	Hai (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
9	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
10	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ	6	Chủ

										Năm		Nhật
		”										
11	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
12	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
13	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
14	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm
15	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
16	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
17	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
18	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
19	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
20	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư
21	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	14	Xuân Phân	16	Cốc Vũ	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm
22	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	17	Tiểu Mãn	18	Hạ Chí
23	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
24	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
25	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai
26	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba
27	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư
28	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm
29	22	Thứ Hai	-	Thứ Năm	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu
30	23	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy
31	24	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	26	Thứ Năm	-c	Chủ Nhật
8 tháng 3, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ)												

NĂM 1952- TÂN MÃO (2)

☾ ☼	Tháng Bảy	Tháng Tám	Tháng Chín	Tháng Mười	Tháng Một	Tháng Chạp
-----	-----------	-----------	------------	------------	-----------	------------

	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	Tám (đ)	Thứ Bảy	Chín (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
2	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
3	29	Thứ Ba	Bảy (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
4	Sáu (đ)	Thứ Tư		Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
5	2	Thứ Năm		Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư
6	3	Thứ Sáu		Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm
7	4	Thứ Bảy		Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu
8	5	Tiểu Thử		Lập Thu	8	Bạch Lộ	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy
9	6	Thứ Hai		Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Hàn Lộ	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật
10	7	Thứ Ba		Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai
11	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba
12	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư
13	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm
14	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
15	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
16	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
17	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
18	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
19	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư
20	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm
21	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
22	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	25	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
23	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	26	Tiểu Tuyết	25	Đông Chí
24	21	Đại Thử	22	Xử Thử	24	Thu Phân	24	Sg. Giáng	27	Thứ Bảy	26	Thứ Hai
25	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	27	Thứ Ba

26	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	28	Thứ Tư
27	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	29	Thứ Năm
28	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	Chạp (t)	Thứ Sáu
29	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Năm	2	Thứ Bảy
30	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	Mười (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật
31	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	2	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	4	Thứ Hai
1 tháng 9, nhật thực hình khuyên (Mỹ, Đại Tây Dương, Châu Phi, Ma đa gát xca)												

NĂM 1952- NHÂM THÌN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
2	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
3	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
4	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
5	9	Thứ Bảy	10	Lập Xuân	10	Kinh Trập	11	Th. Minh	12	Lập Hạ	13	Thứ Năm
6	10	Tiểu Hàn	11	Thứ Tư	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Mg. Chủng
7	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
8	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
9	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
10	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
11	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
12	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm
13	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
14	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
15	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
16	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai

17	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
18	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư
19	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm
20	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu
21	25	Đại Hàn	26	Thứ Năm	26	Xuân Phân	27	Thứ Hai	28	Tiểu Mãn	29	Hạ Chí
22	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Năm (đ)	Chủ Nhật
23	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai
24	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Hai	Thứ (đ)	Thứ Năm	Năm (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba
25	29	Thứ Sáu	Hai (đ)	Thứ Hai	30	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư
26	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	Ba (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm
27	Giêng (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu
28	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy
29	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật
30	4	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai
31	5	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	6	Thứ Hai	-	Thứ Năm	8	Thứ Bảy	-	Thứ Ba
11 tháng 2, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 7g05ph To nhất : 7g40ph Kết thúc : 8g15ph							25 tháng 2, nhật thực toàn phần (Đại Tây Dương, Châu Phi, Ả Rập I rãng, Liên Xô)					

NĂM 1952 NHÂM THÌN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
2	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
3	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư
4	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm
5	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
6	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	19	Thứ	20	Thứ

										Năm		Bảy
7	16	Tiểu Thử	17	Lập Thu	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	20	Lập Đông	21	Đại Tuyết
8	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	20	Bạch Lộ	20	Hàn Lộ	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai
9	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba
10	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư
11	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm
12	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
13	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
14	23	Thứ Hai	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
15	24	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
16	25	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
17	26	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (t)	Thứ Tư
18	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	30	Thứ Bảy		Thứ Ba	2	Thứ Năm
19	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	Tám (đ)	Thứ Sáu	Chín (t)	Chủ Nhật		Thứ Tư	3	Thứ Sáu
20	29	Chủ Nhật	Bảy (đ)	Thứ Tư		Thứ Bảy		Thứ Hai		Thứ Năm	4	Thứ Bảy
21	30	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
22	Sáu (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	6	Tiểu Tuyết	6	Đông Chí
23	2	Đại Thử	4	Xử Thử	5	Thu Phân	5	Sg. Giáng	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
24	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư
25	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Thứ Năm
26	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	10	Thứ Sáu
27	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy
28	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
29	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
30	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
31	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	15	Thứ Tư

6 tháng 9, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 1g31ph To nhất : 2g19ph Kết thúc : 4g07ph	20 tháng 8, nhật thực hình khuyên (Thái Bình Dương, Nam Châu Mỹ, Đại Tây Dương)
--	--

NĂM 1953 QUÝ TỶ (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
2	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
3	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
4	19	Chủ Nhật	21	Lập Xuân	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm
5	20	Tiểu Hân	22	Thứ Năm	20	Thứ Năm	22	Th .Minh	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
6	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	21	Kinh Trập	23	Thứ Hai	23	Lập Hạ	25	Mg. Chung
7	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
8	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
9	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
10	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
11	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	Năm (đ)	Thứ Năm
12	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	2	Thứ Sáu
13	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	Tư (t)	Thứ Tư	3	Thứ Bảy
14	29	Thứ Tư	Giên g (t)	Thứ Bảy	29	Thứ Bảy	Ba (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	4	Chủ Nhật
15	Chạp (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	Hai (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai
16	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba
17	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư
18	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm
19	5	Thứ Hai	6	Vũ Thủy	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	9	Thứ Sáu

20		Đại Hàn	7	Thứ Sáu	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy
21	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Tiểu Mãn	11	Chủ Nhật
22	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Sáu	12	Hạ Chí
23	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba
24	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư
25	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm
26	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu
27	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy
28	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật
29	15	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	15	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai
30	16	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba
31	17	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	17	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	-	-
30 tháng 1, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 5g03ph Toàn phần : 6g09ph-7g31ph Kết thúc : 3g37ph							14 tháng 2, nhật thực một phần Hà Nội : 0,27 Hải Phòng : 0,27 Vinh : 0,21 Huế : 0,16 Sài Gòn : 0,02					

NĂM 1953- QUÝ TỶ (2)

Ngày	Tháng Bảy		Tháng Tám		Tháng Chín		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
2	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư
3	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm
4	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
5	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy

6	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	Một (đ)	Chủ Nhật
7	27	Tiểu Thử	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	30	Thứ Tư	Mười (t)	Thứ Bảy	2	Đại Tuyết
8	28	Thứ Tư	29	Lập Thu	Tám (đ)	Bạch Lộ	Chín (đ)	Hàn Lộ	2	Lập Đông	3	Thứ Ba
9	29	Thứ Năm	Bảy (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư
10	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm
11	Sáu (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu
12	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy
13	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
14	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
15	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
16	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư
17	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
18	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
19	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
20	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
21	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
22	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Tiểu Tuyết	17	Đông Chí
23	13	Đại Thử	15	Xử Thử	16	Thu Phân	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư
24	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Sg. Giáng	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm
25	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
26	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm	21	Thứ Bảy
27	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
28	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
29	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
30	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư
31	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	-	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	26	Thứ Năm

11 tháng 7, nhật thực một phần 26 tháng 7, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 17g27ph Toàn Phần : 18g27ph-20g11ph Kết Thúc : 21g11ph	10 tháng 8, nhật thực một phần.
---	---------------------------------

NĂM 1954 – GIÁP NGỌ (1)

Ngày	THÁNG GIÊNG		THÁNG HAI		THÁNG BA		THÁNG TƯ		THÁNG NĂM		THÁNG SÁU	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	27	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Năm (t)	Thứ Ba
2	28	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
3	29	Chủ Nhật	Giêng (đ)	Thứ Tư	29	Thứ Tư	Ba (đ)	Thứ Bảy	Tư (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm
4	30	Thứ Hai	2	Lập Xuân	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
5	Chạp (t)	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	Hai (t)	Thứ Sáu	3	Th. Minh	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy
6	2	Tiểu Hàn	4	Thứ Bảy	2	Kinh Trập	4	Thứ Ba	4	Lập Hạ	6	Mg. Chung
7	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
8	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
9	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
10	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm
				"		"						
11	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
12	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
13	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
14	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
15	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba
16	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư

17	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm
18	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu
19	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy
20	16	Đại Hàn	18	Thứ Bảy	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật
21	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	17	Xuân Phân	19	Thứ Tư	19	Tiểu Mãn	21	Thứ Hai
22	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba
23	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư
24	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm
25	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu
26	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy
27	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật
28	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai
29	25	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba
30	26	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	26	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật	Sáu (đ)	Thứ Tư
31	27	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	-	Thứ Năm

NĂM 1954 GIÁP NGỌ (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư
2	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm
3	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu
4	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy
5	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ

												Nhật
6	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai
7	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Đại Tuyệt
8	9	Tiểu Thử	10	Lập Thu	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	13	Lập Đông	14	Thứ Tư
9	10	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm
10	11	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
11	12	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
12	13	Thứ Hai	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
13	14	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
14	15	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba
15	16	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư
16	17	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm
17	18	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu
18	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy
19	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật
20	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai
21	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba
22	23	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	26	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	28	Thứ Tư
23	24	Đại Thử	25	Thứ Hai	27	Thu Phân	27	Thứ Bảy	28	Tiểu Tuyệt	29	Thứ Năm
24	25	Thứ Bảy	26	Xử Thử	28	Thứ Sáu	28	Sg. Giáng	29	Thứ Tư	30	Thứ Sáu
25	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	29	Thứ Hai	Một (đ)	Thứ Năm	Chạ p (d)	Thứ Bảy
26	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	30	Chủ Nhật	30	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	2	Chủ Nhật
27	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	Chín (đ)	Thứ Hai	Mười (l)	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	3	Thứ Hai
28	29	Thứ Tư	Tám (đ)	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	4	Thứ Ba
29	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	5	Thứ Tư
30	Bảy (l)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Thứ Bảy		Thứ Ba	6	Thứ Năm

31	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật		Thứ Tư	7	Thứ Sáu
16 tháng 7, nguyệt thực một phần Bắt đầu : 6g10ph To nhất : 7g22ph Kết thúc : 8g34ph							25 tháng 12, nhật thực hình khuyên (Đại Tây Dương, Nam Châu Phi, An Độ Dương) Huế : 0,02 Nha Trang : 0,15 Sài Gòn : 0,15 Bạc Liêu : 0,17					

Năm 1955 ẤT MÙI (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	8	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư
2	9	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm
3	10	Thứ Hai	11	Thứ Năm	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu
4	11	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy
5	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật
6	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai
7	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba
8	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư
9	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm
10	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu
11	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy
12	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật
13	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai
14	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba
15	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư

16	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm
17	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu
18	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy
19	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật
20	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Năm (t)	Thứ Hai
21	28	Đại Hàn	29	Thứ Hai	28	Xuân Phân	29	Cốc Vũ	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba
22	29	Thứ Bảy	Hai (đ)	Thứ Ba	29	Thứ Ba	Ba (đ)	Thứ Sáu	Tư (t)	Tiêu Mãn	3	Hạ Chí
23	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm
24	Giêng (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	Ba (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu
25	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy
26	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật
27	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai
28	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba
29	6	Thứ Bảy		Thứ Ba	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư
30	7	Chủ Nhật		Thứ Tư	7	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm
31	8	Thứ Hai		Thứ Năm	8	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	-	Thứ Sáu
20 tháng 6, nhật thực toàn phần (Ấn Độ Dương, Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Cam Phu Chia , Lào, Việt Nam , Phi Lip Pin.) Hà Nội : 0,83 Hải Phòng : 0,84 Vinh : 0,92 Huế : 0,99 Sài Gòn : 0,9												

NĂM 1955 ẤT MÙI (2)

☾ ☼	Tháng Giêng	Tháng Hai	Tháng Ba	Tháng Tư	Tháng Năm	Tháng Sáu
-----	-------------	-----------	----------	----------	-----------	-----------

	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch h	Tiết- Thứ
1	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm
2	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
3	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy
4	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật
5	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai
6	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	23	Thứ Ba
7	18	Thứ Năm	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư
8	19	Tiểu Thử	21	Lập Thu	22	Bạch Lộ	23	Thứ Bảy	24	Lập Đông	25	Đại Tuyết
9	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
10	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
11	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
12	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
13	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
14	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Mười (đ)	Thứ Hai	Một (đ)	Thứ Tư
15	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	2	Thứ Ba	2	Thứ Năm
16	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	Tám (đ)	Thứ Sáu	Chín (tô)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	3	Thứ Sáu
17	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	4	Thứ Bảy
18	29	Thứ Hai	Bảy	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật
19	Sáu (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	6	Thứ Hai
20	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	7	Thứ Ba
21	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	8	Thứ Tư
22	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	9	Đông Chí
23	5	Đại Thử	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật	10	Tiểu Tuyết	10	Thứ Sáu
24	6	Chủ Nhật	7	Xử Thử	9	Thu Phân	9	Sg. Giáng	11	Thứ	11	Thứ Bảy

										Năm		
25	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật
26	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai
27	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba
28	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư
29	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm
30	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	17	Thứ Sáu
31	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	16	Thứ Hai	-	Thứ Năm	18	Thứ Bảy
29-30 tháng 11, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 23g27ph To nhất : 0g06ph Kết thúc : 0g45ph							14 tháng 12, nhật thực hình khuyên (Châu Phi, Ấn Độ Dương, Thái Lan, Căm Pu Chia, Lào, Việt Nam, Trung Quốc) Hà Nội : 0,83 Hải Phòng : 0,85 Vinh : 0,9 Sài Gòn : 0,81					

NĂM 1956 BÌNH THÂN (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	19	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu
2	20	Thứ Hai	21	Thứ Năm	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy
3	21	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật
4	22	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai
5	23	Thứ Năm	24	Lập Xuân	23	Kinh Chạp	25	Th. Minh	25	Lập Hạ	27	Thứ Ba
6	24	Tiểu Hàn	25	Thứ Hai	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	28	Mg. Chung
7	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm
8	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu
9	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Năm(t)	Thứ Bảy
10	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Tứ (đỏ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
11	29	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	29	Chủ Nhật	Ba (t)	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
12	30	Thứ Năm	Giêng (t)	Chủ Nhật	Hai (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba

13	Chạp (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
14	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm
15	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
16	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
17	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
18	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
19	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
20	8	Thứ Sáu	9	Vũ Thủy	9	Xuân Phân	10	Cốc Vũ	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
21	9	Đại Hân	10	Thứ Ba	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Tiểu Mãn	13	Thứ Năm
22	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
23	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy
24	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
25	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai
26	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
27	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
28	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	19	Thứ Hai	20	Thứ Năm
29	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
30	18	Thứ Hai	-	Thứ Năm	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
31	19	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	20	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	22	Thứ Năm	-	Chủ Nhật
24-25 tháng 5, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 20g54ph To nhất : 22g31ph Kết Thúc : 0g08ph							9 tháng 6, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương)					

NĂM 1955 BÌNH THÂN (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
2	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	Một (đ)	Chủ Nhật

3	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Mười (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai
4	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Chín (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba
5	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Tám (t)	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư
6	28	Thứ Sáu	Bảy (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	5	Thứ Năm
7	29	Tiểu Thử	2	Lập Thu	3	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật	5	Lập Đông	6	Đại Tuyết
8	Sáu (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Bạch Lộ	5	Hàn Lộ	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy
9	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
10	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
11	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
12	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư
13	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
14	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
15	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	14	Thứ Bảy
16	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	13	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	15	Chủ Nhật
17	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	14	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	16	Thứ Hai
18	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	15	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	17	Thứ Ba
19	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	16	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	18	Thứ Tư
20	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	17	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	19	Thứ Năm
21	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	20	Thứ Sáu
22	15	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	18	Thu Phân	19	Sg. Giáng	20	Tiểu Tuyết	21	Thứ Bảy
23	16	Đại Thử	18	Xử Thử	19	Chủ Nhật	20	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	22	Chủ Nhật
24	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	21	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	23	Thứ Hai
25	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	22	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	24	Thứ Ba
26	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	23	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	25	Thứ Tư

27	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	24	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	26	Thứ Năm
28	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	25	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	27	Thứ Sáu
29	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	26	Thứ Hai	27	Thứ Năm	28	Thứ Bảy
30	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	27	Thứ Ba	28	Thứ Sáu	29	Chủ Nhật
31	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	28	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	30	Thứ Hai
18 tháng 11, nguyệt thực toàn phần Bắt đầu : 12g00ph Tàn Phần : 13g08ph-14g26ph Kết Thúc : 15g34ph							(216) 2 tháng 12, nhật thực một phần.					

NĂM 1957 ĐINH DẬU (1)

Ngày	THÁNG GIÊNG		THÁNG HAI		THÁNG BA		THÁNG TƯ		THÁNG NĂM		THÁNG SÁU	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	Chạp (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	30	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	2	Thứ Tư	4	Thứ Bảy
2	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	Hai (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	3	Thứ Năm	5	Chủ Nhật
3	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	4	Thứ Sáu	6	Thứ Hai
4	4	Thứ Sáu	5	Lập Xuân	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	5	Thứ Bảy	7	Thứ Ba
5	5	Tiểu Hàn	6	Thứ Ba	4	Thứ Ba	6	Thanh Minh	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư
6	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	5	Kinh Chạp	7	Thứ Bảy	7	Lập Hạ	9	Mg. Chung
7	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu
8	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy
9	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật
10	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai
11	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba
12	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư
13	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm
14	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
15	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
16	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật

17	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
18	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
19	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
20	20	Đại Hàn	21	Thứ Tư	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm
21	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	20	Xuân Phân	22	Chủ Nhật	22	Tiểu Mãn	24	Thứ Sáu
22	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Hạ Chí
23	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
24	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
25	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba
26	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
27	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm
28	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Sáu (t)	Thứ Sáu
29	29	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	Năm (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
30	30	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	29	Thứ Bảy	Tư (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
31	Giêng (đ)	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	Ba (đ)	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	-	Thứ Hai
30 tháng 4, nhật thực hình khuyên (Liên Xô, Bắc Băng Dương) Hải Phòng : 0,21 Hà Nội : 0,22 Thanh Hóa : 0,17 Quảng Ngãi :0,06							14 tháng 5, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 3g45ph Toàn Phần : 4g52ph- 6g12ph Kết Thúc : 7g19ph					

NĂM 1957 ĐINH DẬU (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật
2	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai
3	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	10	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba
4	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư
5	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba	14	Thứ

												Năm
6	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Thứ Sáu
7	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy
8	11	Thứ Hai	13	Lập Thu	15	Bạch Lộ	15	Hàn Lộ	17	Lập Đông	17	Chủ Nhật
9	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai
10	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba
11	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư
12	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm
13	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu
14	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy
15	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật
16	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy	25	Thứ Hai
17	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật	26	Thứ Ba
18	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai	27	Thứ Tư
19	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Thứ Bảy	28	Thứ Ba	28	Thứ Năm
20	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư	29	Thứ Sáu
21	24	Chủ Nhật	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm	Một (đ)	Thứ Bảy
22	25	Thứ Hai	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Mười (t)	Tiểu Tuyết	2	Chủ Nhật
23	26	Đại Thử	28	Xử Thử	30	Thu Phân	Chín (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	3	Thứ Hai
24	27	Thứ Tư	29	Thứ Bảy	Tám (t)	Thứ Ba	2	Sg. Giáng	3	Chủ Nhật	4	Thứ Ba
25	28	Thứ Năm	Tám (đ)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	5	Thứ Tư
26	29	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	6	Thứ Năm
27	Bảy (t)	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	7	Thứ Sáu
28	2	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm	8	Thứ Bảy
29	3	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	9	Chủ Nhật
30	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Tư	9	Thứ Bảy	10	Thứ Hai
31	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	9	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	11	Thứ Ba

23 tháng 10, nhật thực một phần	7 tháng 11, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 19g48ph Toàn Phần : 21g12ph-21g44ph Kết Thúc : 23g08ph
---------------------------------	---

NĂM 1958 MẬU TUẤT (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ
1	12	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật
2	13	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai
3	14	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy	16	Thứ Ba
4	15	Thứ Bảy	16	Lập Xuân	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư
5	16	Chủ Nhật	17	Thứ Tư	16	Thứ Tư	17	Th. Minh	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm
6	17	Thứ Hai	18	Thứ Năm	17	Kinh Trập	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba	19	Mg. Chứng
7	18	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy
8	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật
9	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai
10	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba
11	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư
12	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm
13	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu
14	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy
15	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật
16	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai
17	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Năm (đ)	Thứ Ba
18	29	Thứ Bảy	Giêng (đ)	Thứ Ba	29	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư
19	30	Chủ Nhật	2	Vũ Thủy	30	Thứ Tư	Ba (đ)	Thứ Bảy	Tư (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm

20	Chấp (t)	Đại Hàn	3	Thứ Năm	Hai (đ)	Thứ Năm	2	Cốc Vũ	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu
21	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	2	Xuân Phân	3	Thứ Hai	3	Tiểu Mãn	5	Thứ Bảy
22	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	3	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật
23	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	4	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai
24	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba
25	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư
26	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm
27	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu
28	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy
29	10	Thứ Tư		Thứ Bảy	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật
30	11	Thứ Năm		Chủ Nhật	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai
31	12	Thứ Sáu		Thứ Hai	12	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	-	Thứ Ba
19 tháng 4, nhật thực hình khuyên (Ấn Độ Dương, Miến Điện, Thái Lan , Cam Pu Chia, Lào, Việt Nam, Trung Quốc, Thái Bình Dương) Hà Nội : 0,85 Hải Phòng : 0,88 Đồng Hới : 0,94 Quảng Ngãi : 0,94							3 tháng 5, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 18g50ph To nhất : 19g11ph Kết Thúc : 19g32ph					

NĂM 1958 MẬU TUẤT (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	18	Thứ Hai	19	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	21	Thứ Hai
2	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	19	Thứ Ba	20	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	22	Thứ Ba
3	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	20	Thứ Tư	21	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	23	Thứ Tư
4	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	21	Thứ Năm	22	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	24	Thứ Năm
5	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	22	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	25	Thứ Sáu
6	20	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	23	Thứ Bảy	24	Thứ Hai	25	Thứ Năm	26	Thứ Bảy

7	21	Tiểu Thử	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	25	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	27	Đại Tuyết
8	22	Thứ Ba	23	Lập Thu	25	Bạch Lộ	26	Thứ Tư	27	Lập Đông	28	Thứ Hai
9	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	26	Thứ Ba	27	Hàn Lộ	28	Chủ Nhật	29	Thứ Ba
10	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	30	Thứ Tư
11	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	29	Thứ Bảy	Mười (đ)	Thứ Ba	Một (t)	Thứ Năm
12	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	2	Thứ Sáu
13	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	Tám (đ)	Thứ Bảy	Chín (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	3	Thứ Bảy
14	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	4	Chủ Nhật
15	29	Thứ Ba	Bảy (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	5	Thứ Hai
16	30	Thứ Tư	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	6	Thứ Ba
17	Sáu (t)	Thứ Năm	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	7	Thứ Tư
18	2	Thứ Sáu	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	8	Thứ Năm
19	3	Thứ Bảy	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	9	Thứ Sáu
20	4	Chủ Nhật	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	10	Thứ Bảy
21	5	Thứ Hai	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật
22	6	Thứ Ba	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	12	Thứ Hai
23	7	Đại Thử	9	Xử Thử	11	Thứ Ba	11	Thứ Năm	13	Tiểu Tuyết	13	Thứ Ba
24	8	Thứ Năm	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	12	Sg. Giáng	14	Thứ Hai	14	Thứ Tư
25	9	Thứ Sáu	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	15	Thứ Năm
26	10	Thứ Bảy	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	16	Thứ Sáu
27	11	Chủ Nhật	13	Thứ Tư	15	Thứ Bảy	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	17	Thứ Bảy
28	12	Thứ Hai	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	18	Chủ Nhật
29	13	Thứ Ba	15	Thứ Sáu	17	Thứ Hai	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	19	Thứ Hai
30	14	Thứ Tư	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba	18	Thứ	20	Chủ	20	Thứ Ba

								Năm		Nhật		
31	15	Thứ Năm	17	Chủ Nhật	-	-	19	Thứ Sáu	-	-	21	Thứ Tư
13 tháng 10, nhật thực toàn phần (Thái Bình Dương)												

NĂM 1959 KỶ HỢI (1)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Tư		Tháng Năm		Tháng Sáu	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lị c h	Tiết- Thứ
1	22	Thứ Năm	24	Chủ Nhật	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	25	Thứ Hai
2	23	Thứ Sáu	25	Thứ Hai	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	26	Thứ Ba
3	24	Thứ Bảy	26	Lập Xuân	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	27	Thứ Tư
4	25	Chủ Nhật	27	Thứ Tư	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	28	Thứ Năm
5	26	Thứ Hai	28	Thứ Năm	26	Thứ Năm	28	Th. Minh	28	Thứ Ba	29	Thứ Sáu
6	27	Thứ Ba	29	Thứ Sáu	27	Kinh Trập	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Nă m (t)	Thứ Bảy
7	28	Thứ Tư	30	Thứ Bảy	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	30	Thứ Năm	2	Chủ Nhật
8	29	Thứ Năm	Giên g (t)	Chủ Nhật	29	Chủ Nhật	Ba (đ)	Thứ Tư	Tư (t)	Thứ Sáu	3	Thứ Hai
9	Chạp (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	Hai (t)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	4	Thứ Ba
10	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	2	Thứ Ba	3	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	5	Thứ Tư
												,
11	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	6	Thứ Năm
12	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	7	Thứ Sáu
13	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	6	Thứ Tư	8	Thứ Bảy
14	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	7	Thứ Năm	9	Chủ Nhật
15	7	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	8	Thứ Sáu	10	Thứ Hai
16	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	11	Thứ Ba
17	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	12	Thứ Tư
18	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	10	Thứ Tư	11	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	13	Thứ Năm
19	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	11	Thứ Năm	12	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	14	Thứ Sáu
20	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	12	Thứ Sáu	13	Thứ Hai	13	Thứ Tư	15	Thứ

												Bảy
21	13	Đại Hàn	14	Thứ Bảy	13	Xuân Phân	14	Cốc Vũ	14	Thứ Năm	16	Chủ Nhật
22	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	14	Chủ Nhật	15	Thứ Tư	15	Tiểu Mãn	17	Hạ Chí
23	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	15	Thứ Hai	16	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	18	Thứ Ba
24	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	16	Thứ Ba	17	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	19	Thứ Tư
25	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	17	Thứ Tư	18	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	20	Thứ Năm
26	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	18	Thứ Năm	19	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	21	Thứ Sáu
27	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	19	Thứ Sáu	20	Thứ Hai	20	Thứ Tư	22	Thứ Bảy
28	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	20	Thứ Bảy	21	Thứ Ba	21	Thứ Năm	23	Chủ Nhật
29	21	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	21	Chủ Nhật	22	Thứ Tư	22	Thứ Sáu	24	Thứ Hai
30	22	Thứ Sáu	-	Thứ Hai	22	Thứ Hai	23	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	25	Thứ Ba
31	23	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	23	Thứ Ba	-	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	-	Thứ Tư
25 tháng 3, nguyệt thực một phần (*) Bắt đầu : 2g19ph To nhất : 3g17ph Kết thúc : 4g15ph							8 tháng 4, nhật thực toàn phần (Đại Tây Dương, Châu Phi)					

NĂM 1959 KỶ HỢI (2)

Ngày	Tháng Giêng		Tháng Hai		Tháng Ba		Tháng Mười		Tháng Một		Tháng Chạp	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	26	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	29	Thứ Ba	29	Thứ Năm	Mười (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Ba
2	27	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	30	Thứ Tư	Chín (đ)	Thứ Sáu	2	Thứ Hai	3	Thứ Tư
3	28	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	Tám (t)	Thứ Năm	2	Thứ Bảy	3	Thứ Ba	4	Thứ Năm
4	29	Thứ Bảy	Bảy (đ)	Thứ Ba	2	Thứ Sáu	3	Chủ Nhật	4	Thứ Tư	5	Thứ Sáu
5	30	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Bảy	4	Thứ Hai	5	Thứ Năm	6	Thứ Bảy
6	Sáu (t)	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Chủ Nhật	5	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	7	Chủ Nhật
7	2	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	6	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	8	Thứ Hai
8	3	Tiểu Thử	5	Lập Thu	6	Bạch Lộ	7	Thứ Nhữ	8	Lập	9	Đại

										Đông		Tuyết
9	4	Thứ Năm	6	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	8	Hàn Lộ	9	Thứ Hai	10	Thứ Tư
10	5	Thứ Sáu	7	Thứ Hai	8	Thứ Năm	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	11	Thứ Năm
11	6	Thứ Bảy	8	Thứ Ba	9	Thứ Sáu	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	12	Thứ Sáu
12	7	Chủ Nhật	9	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	13	Thứ Bảy
13	8	Thứ Hai	10	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	14	Chủ Nhật
14	9	Thứ Ba	11	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	15	Thứ Hai
15	10	Thứ Tư	12	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	14	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	16	Thứ Ba
16	11	Thứ Năm	13	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	17	Thứ Tư
17	12	Thứ Sáu	14	Thứ Hai	15	Thứ Năm	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	18	Thứ Năm
18	13	Thứ Bảy	15	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	19	Thứ Sáu
19	14	Chủ Nhật	16	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	20	Thứ Bảy
20	15	Thứ Hai	17	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	21	Chủ Nhật
21	16	Thứ Ba	18	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	22	Thứ Hai
22	17	Thứ Tư	19	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	21	Thứ Năm	22	Tiểu Tuyết	23	Thứ Ba
23	18	Đại Thử	20	Xử Thử	21	Thu Phân	22	Sg, Giáng	23	Thứ Hai	24	Thứ Tư
24	19	Thứ Sáu	21	Thứ Hai	22	Thứ Năm	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	25	Thứ Năm
25	20	Thứ Bảy	22	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	26	Thứ Sáu
26	21	Chủ Nhật	23	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	27	Thứ Bảy
27	22	Thứ Hai	24	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	28	Chủ Nhật
28	23	Thứ Ba	25	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	29	Thứ Hai
29	24	Thứ Tư	26	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	30	Thứ Ba
30	25	Thứ Năm	27	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	29	Thứ Sáu	Một (đ)	Thứ Hai	Chạp (t)	Thứ Tư

31	26	Thứ Sáu	28	Thứ Hai	29	Thứ Năm	30	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	2	Thứ Năm
2 tháng 10, nhật thực toàn phần (Đại Tây Dương, Châu Phi)												

NĂM 1960- CANH TÝ (1)

Ngày	THÁNG GIÊNG		THÁNG HAI		THÁNG BA		THÁNG TƯ		THÁNG NĂM		THÁNG SÁU	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết- Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ
1	3	Thứ Sáu	5	Thứ Hai	4	Thứ Ba	6	Thứ Sáu	6	Chủ Nhật	8	Thứ Tư
2	4	Thứ Bảy	6	Thứ Ba	5	Thứ Tư	7	Thứ Bảy	7	Thứ Hai	9	Thứ Năm
3	5	Chủ Nhật	7	Thứ Tư	6	Thứ Năm	8	Chủ Nhật	8	Thứ Ba	10	Thứ Sáu
4	6	Thứ Hai	8	Thứ Năm	7	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	9	Thứ Tư	11	Thứ Bảy
5	7	Thứ Ba	9	Lập Xuân	8	Kinh Trập	10	Th. Minh	10	Lập Hạ	12	Chủ Nhật
6	8	Thứ Tư	10	Thứ Bảy	9	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	11	Thứ Sáu	13	Mg. Chung
7	9	Thứ Năm	11	Chủ Nhật	10	Thứ Hai	12	Thứ Năm	12	Thứ Bảy	14	Thứ Ba
8	10	Thứ Sáu	12	Thứ Hai	11	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	13	Chủ Nhật	15	Thứ Tư
9	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	12	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	14	Thứ Hai	16	Thứ Năm
10	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	13	Thứ Năm	15	Chủ Nhật	15	Thứ Ba	17	Thứ Sáu
11	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	14	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	16	Thứ Tư	18	Thứ Bảy
12	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	15	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	17	Thứ Năm	19	Chủ Nhật
13	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	16	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	18	Thứ Sáu	20	Thứ Hai
14	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	17	Thứ Hai	19	Thứ Năm	19	Thứ Bảy	21	Thứ Ba
15	17	Thứ Sáu	19	Thứ Hai	18	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	20	Chủ Nhật	22	Thứ Tư
16	18	Thứ Bảy	20	Thứ Ba	19	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	21	Thứ Hai	23	Thứ Năm
17	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	20	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	22	Thứ Ba	24	Thứ Sáu
18	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	21	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	23	Thứ Tư	25	Thứ Bảy
19	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	22	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	24	Thứ Năm	26	Chủ Nhật
20	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	23	Xuân Phân	25	Cốc Vũ	25	Thứ Sáu	27	Thứ Hai
21	23	Đại Hàn	25	Chủ Nhật	24	Thứ Hai	26	Thứ Năm	26	Tiểu Mãn	28	Thứ Ba
22	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	25	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	27	Chủ Nhật	29	Thứ Tư
23	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	26	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	28	Thứ Hai	30	Thứ Năm
24	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	27	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	29	Thứ Ba	Sáu (đ)	Thứ Sáu

25	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	28	Thứ Sáu	30	Thứ Hai	Năm (đ)	Thứ Tư	2	Thứ Bảy
26	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	29	Thứ Bảy	Tư (t)	Thứ Ba	2	Thứ Năm	3	Chủ Nhật
27	29	Thứ Tư	Hai (t)	Thứ Bảy	Ba (t)	Chủ Nhật	2	Thứ Tư	3	Thứ Sáu	4	Thứ Hai
28	Giêng (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	2	Thứ Hai	3	Thứ Năm	4	Thứ Bảy	5	Thứ Ba
29	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	3	Thứ Ba	4	Thứ Sáu	5	Chủ Nhật	6	Thứ Tư
30	3	Thứ Bảy	-	Thứ Ba	4	Thứ Tư	5	Thứ Bảy	6	Thứ Hai	7	Thứ Năm
31	4	Chủ Nhật	-	Thứ Tư	5	Thứ Năm	-	Chủ Nhật	7	Thứ Ba	-	Thứ Sáu
13 tháng 3, nguyệt thực toàn phần Bắt Đầu : 13g40ph Toàn Phần : 14g42ph-18g18ph Kết Thúc : 17g20ph							27 tháng 3, nhật thực một phần					

NĂM 1960 - CANH TÝ (2)

Ngày	THÁNG GIÊNG		THÁNG HAI		THÁNG BA		THÁNG TƯ		THÁNG NĂM		THÁNG SÁU	
	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch	Tiết-Thứ	Âm Lịch h	Tiết-Thứ
1	8	Thứ Sáu	9	Thứ Hai	11	Thứ Năm	11	Thứ Bảy	13	Thứ Ba	13	Thứ Năm
2	9	Thứ Bảy	10	Thứ Ba	12	Thứ Sáu	12	Chủ Nhật	14	Thứ Tư	14	Thứ Sáu
3	10	Chủ Nhật	11	Thứ Tư	13	Thứ Bảy	13	Thứ Hai	15	Thứ Năm	15	Thứ Bảy
4	11	Thứ Hai	12	Thứ Năm	14	Chủ Nhật	14	Thứ Ba	16	Thứ Sáu	16	Chủ Nhật
5	12	Thứ Ba	13	Thứ Sáu	15	Thứ Hai	15	Thứ Tư	17	Thứ Bảy	17	Thứ Hai
6	13	Thứ Tư	14	Thứ Bảy	16	Thứ Ba	16	Thứ Năm	18	Chủ Nhật	18	Thứ Ba
7	14	Tiểu Thử	15	Lập Thu	17	Bạch Lộ	17	Thứ Sáu	19	Lập Đông	19	Đại Tuyết
8	15	Thứ Sáu	16	Thứ Hai	18	Thứ Năm	18	Hàn Lộ	20	Thứ Ba	20	Thứ Năm
9	16	Thứ Bảy	17	Thứ Ba	19	Thứ Sáu	19	Chủ Nhật	21	Thứ Tư	21	Thứ Sáu
10	17	Chủ Nhật	18	Thứ Tư	20	Thứ Bảy	20	Thứ Hai	22	Thứ Năm	22	Thứ Bảy
11	18	Thứ Hai	19	Thứ Năm	21	Chủ Nhật	21	Thứ Ba	23	Thứ Sáu	23	Chủ Nhật
12	19	Thứ Ba	20	Thứ Sáu	22	Thứ Hai	22	Thứ Tư	24	Thứ Bảy	24	Thứ Hai
13	20	Thứ Tư	21	Thứ Bảy	23	Thứ Ba	23	Thứ Năm	25	Chủ Nhật	25	Thứ Ba
14	21	Thứ Năm	22	Chủ Nhật	24	Thứ Tư	24	Thứ Sáu	26	Thứ Hai	26	Thứ Tư
15	22	Thứ Sáu	23	Thứ Hai	25	Thứ Năm	25	Thứ Bảy	27	Thứ Ba	27	Thứ Năm

16	23	Thứ Bảy	24	Thứ Ba	26	Thứ Sáu	26	Chủ Nhật	28	Thứ Tư	28	Thứ Sáu
17	24	Chủ Nhật	25	Thứ Tư	27	Thứ Bảy	27	Thứ Hai	29	Thứ Năm	29	Thứ Bảy
18	25	Thứ Hai	26	Thứ Năm	28	Chủ Nhật	28	Thứ Ba	30	Thứ Sáu	Một (đ)	Chủ Nhật
19	26	Thứ Ba	27	Thứ Sáu	29	Thứ Hai	29	Thứ Tư	Mười (t)	Thứ Bảy	2	Thứ Hai
20	27	Thứ Tư	28	Thứ Bảy	30	Thứ Ba	Chín (đ)	Thứ Năm	2	Chủ Nhật	3	Thứ Ba
21	28	Thứ Năm	29	Chủ Nhật	Tám (t)	Thứ Tư	2	Thứ Sáu	3	Thứ Hai	4	Thứ Tư
22	29	Thứ Sáu	Bảy (đ)	Thứ Hai	2	Thứ Năm	3	Thứ Bảy	4	Tiểu Tuyết	5	Đông Chí
23	30	Đại Thử	2	Xử Thử	3	Thu Phân	4	Sg. Giáng	5	Thứ Tư	6	Thứ Sáu
24	Sáu (t)	Chủ Nhật	3	Thứ Tư	4	Thứ Bảy	5	Thứ Hai	6	Thứ Năm	7	Thứ Bảy
25	2	Thứ Hai	4	Thứ Năm	5	Chủ Nhật	6	Thứ Ba	7	Thứ Sáu	8	Chủ Nhật
26	3	Thứ Ba	5	Thứ Sáu	6	Thứ Hai	7	Thứ Tư	8	Thứ Bảy	9	Thứ Hai
27	4	Thứ Tư	6	Thứ Bảy	7	Thứ Ba	8	Thứ Năm	9	Chủ Nhật	10	Thứ Ba
28	5	Thứ Năm	7	Chủ Nhật	8	Thứ Tư	9	Thứ Sáu	10	Thứ Hai	11	Thứ Tư
29	6	Thứ Sáu	8	Thứ Hai	9	Thứ Năm	10	Thứ Bảy	11	Thứ Ba	12	Thứ Năm
30	7	Thứ Bảy	9	Thứ Ba	10	Thứ Sáu	11	Chủ Nhật	12	Thứ Tư	13	Thứ Sáu
31	8	Chủ Nhật	10	Thứ Tư	-	Thứ Bảy	12	Thứ Hai		Thứ Năm	14	Thứ Bảy
5 tháng 9, nguyệt thực toàn phần (*) Bắt đầu : 16g54ph Toàn Phần : 17g38ph-19g08ph Kết Thúc : 20g12ph							21 tháng 9, nhật thực một phần.					